

III. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc,... của doanh nghiệp đang được gửi tại các ngân hàng (kho bạc).

Doanh nghiệp phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng căn cứ vào giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi...).

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 "Phải thu khác" (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 "Phải trả, phải nộp khác" (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

2. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng

2.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 112 - TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112 "Tiền gửi Ngân hàng" phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi Ngân hàng của doanh nghiệp tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

2.2. Phương pháp hạch toán

(1). Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 - Tiền mặt.

(2). Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 - Tiền đang chuyển.

(3). Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, căn cứ giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(4). Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 - Ký quỹ, ký cược dài hạn.

(5). Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

(6). Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 344 - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388).

(7). Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(8). Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế, khi bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và thu từ các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Khoản thu chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và các khoản thu từ

hoạt động tài chính, hoạt động khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(9). Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

(10). Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(11). Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược (dài hạn, ngắn hạn), ghi:

Nợ TK 244 - Ký quỹ, ký cược dài hạn

Nợ TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(12). Chuyển tiền gửi ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn, ghi:

Nợ TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(13). Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hoá về dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, uỷ nhiệm chi hoặc séc:

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(14). Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư, đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư XD CB phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 - Bất động sản đầu tư

Nợ TK 221 - Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 - Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 - Đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241 - XD CB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có)

...

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(15). Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 311 - Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 341 - Vay dài hạn

Nợ TK 342 - Nợ dài hạn

...

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(16). Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp,... bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Nợ các TK 414, 415, 418,...

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(17). Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ cho người mua bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(18). Chi bằng tiền gửi Ngân hàng liên quan đến các khoản chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(19). Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ (xem Phần kế toán chênh lệch tỷ giá - Chương Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu).

Ví dụ về kế toán tiền gửi ngân hàng:

Doanh nghiệp A là 1 đơn vị kinh doanh thương mại, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Số dư tài khoản 112 tại thời điểm 01/02/2010 là: 2.450.000.000đ.

Trong tháng 02/2010 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Mua 1 máy vi tính bằng chuyển khoản, số tiền: 22.000.000đ (trong đó: thuế GTGT: 2.000.000đ (giấy báo Nợ ngày 02/02/2010).

2. Công ty X chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng tháng trước số tiền: 140.000.000đ (giấy báo Có ngày 08/02/2010).

3. Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ, số tiền 320.000.000đ (phiếu thu số 20 ngày 12/02 kèm giấy báo Nợ ngày 12/02/2010).

4. Chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng tháng trước, số tiền 240.000.000đ (giấy báo Nợ ngày 17/02/2010).

5. Chuyển khoản góp vốn thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát số tiền 2.100.000.000đ (báo Nợ ngày 22/02/2010) ; Cơ sở kinh doanh này dự kiến có thời gian hoạt động là 15 năm.

6. Chuyển khoản mua hàng hoá nhập kho, số tiền là 220.000.000đ (thuế GTGT: 20.000.000đ), (giấy báo Nợ ngày 24/02/2010).

7. Chuyển khoản số tiền: 150.000.000đ mua trái phiếu xây dựng Tổ quốc kỳ hạn 5 năm từ 27/02/2010 đến 27/02/2015 (giấy báo Nợ ngày 27/2).

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh.

Giải:

Định khoản kế toán:

Đơn vị: 1000 đồng

1. Nợ TK 211:	20.000	
Nợ TK 133:	2.000	
Có TK 112:		20.000
2. Nợ TK 112:	140.000	
Có TK 131:		140.000
3. Nợ TK 111:	320.000	
Có TK 112:		320.000
4. Nợ TK 331:	240.000	
Có TK 112:		240.000
5. Nợ TK 222:	2.100.000	
Có TK 112:		2.100.000
6. Nợ TK 156:	200.000	
Nợ TK 133:	20.000	
Có TK 112:		220.000
7. Nợ TK 228:	150.000	
Có TK 112:		150.000